

Số: 778/2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 312/BC-KTNS ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh; HĐND xã, phường (cấp xã) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND các cấp; công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc thanh quyết toán kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo thống nhất chế độ, định mức, đối tượng chi trên cơ sở quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc chi phục vụ đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và cá nhân các cơ quan có liên quan khi tham gia đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo của HĐND do HĐND cấp nào triệu tập thì cấp đó đảm bảo kinh phí để thực hiện.

3. Kinh phí thực hiện: kinh phí thực hiện chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách địa phương đảm bảo trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chi hoạt động kỳ họp HĐND và các hoạt động chuyên môn khác

1. Chi thẩm tra báo cáo, đề án và dự thảo Nghị quyết

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Chi soạn thảo, xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND			
- Cơ quan chủ trì	Đồng/báo cáo	3.000.000	1.800.000
- Cơ quan phối hợp thẩm tra	Đồng/báo cáo	1.500.000	900.000
b) Chi mời chuyên gia: Áp dụng đối với công tác thẩm tra các nội dung trình kỳ họp của các Ban HĐND	Đồng/báo cáo	3.000.000	1.800.000
c) Chi họp thẩm tra			
- Người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000	120.000
- Thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100.000	60.000
- Người phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	30.000
- Hỗ trợ tiền ăn	Đồng/người/buổi	250.000	150.000
<i>* Trường hợp họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bằng 200% mức chi ngày thường, không áp dụng đối với chế độ hỗ trợ tiền ăn</i>			

d) Chi thẩm tra nội dung trình Thường trực HĐND áp dụng mức chi quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này.

2. Chi hoạt động tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Chi xây dựng văn bản phục vụ kỳ họp			
- Dự kiến nội dung chương trình kỳ họp, Kế hoạch tổ chức kỳ họp, khai mạc, bế mạc kỳ họp; Chương trình điều hành kỳ họp	Đồng/văn bản	500.000	300.000
- Tổng hợp ý kiến thảo luận tổ và thảo luận tại hội trường	Đồng/văn bản	500.000	300.000
- Biên bản kỳ họp và kết quả kỳ họp	Đồng/văn bản	500.000	300.000
b) Chi bồi dưỡng tại kỳ họp			
- Chi Đại biểu HĐND nghiên cứu các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết kỳ họp			
+ Đối với các báo cáo có dự thảo Nghị quyết kèm theo	Đồng/báo cáo	100.000	60.000
+ Đối với các báo cáo (không có dự thảo Nghị quyết)	Đồng/báo cáo	80.000	50.000
+ Đối với dự thảo Nghị quyết (Trừ báo cáo có dự thảo Nghị quyết kèm theo)	Đồng/nghị quyết	100.000	60.000
- Chi nghiên cứu tài liệu đối với đại biểu khách mời; công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã phục vụ trực tiếp kỳ họp HĐND	Đồng/người/buổi	150.000	90.000
- Chi bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu đối với cán bộ các cơ quan Trung ương, đại biểu Quốc hội		Mức chi gấp 2 lần đại biểu HĐND tỉnh	
- Chi bồi dưỡng đối với: nhân viên phục vụ, lái xe cho các đại biểu; các phóng viên báo; kỹ thuật viên truyền hình của báo, Phát thanh và truyền hình Hưng Yên, trung ương được cử phục vụ truyền hình trực tiếp kỳ họp	Đồng/người/buổi	100.000	60.000

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
- Hỗ trợ tiền ăn	Đồng/người/buổi	250.000	250.000
- Chế độ phòng nghỉ	Áp dụng theo quy định hiện hành		
- Chi giải khát giữa giờ	Đồng/người/buổi	50.000	50.000
<i>Trường hợp họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bằng 200% mức chi ngày thường, không áp dụng đối với chế độ hỗ trợ tiền ăn, chế độ phòng nghỉ, giải khát giữa giờ</i>			
c) Chi rà soát kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết đã được HĐND thông qua	Đồng/nghị quyết	1.500.000	900.000

3. Chi hoạt động các cuộc họp, hoạt động chuyên môn, giao ban, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ cho Đại biểu HĐND do HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND triệu tập.

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
- Người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000	120.000
- Thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100.000	60.000
- Người phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	30.000
- Hỗ trợ tiền ăn	Đồng/người/buổi	250.000	150.000
<i>Trường hợp họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bằng 200% mức chi ngày thường, không áp dụng đối với chế độ hỗ trợ tiền ăn.</i>			

4. Chi cho việc soạn thảo văn bản chuyên môn, xây dựng các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết, kế hoạch do Thường trực HĐND và các Ban HĐND trình Hội đồng nhân dân ngoài nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này: Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản; Cấp xã: 900.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chi xây dựng kế hoạch, đề cương			
a) Chi xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát	Đồng/văn bản	1.000.000	600.000
b) Chi xây dựng kế hoạch, đề cương khảo sát	Đồng/văn bản	1.000.000	600.000
c) Chi mời chuyên gia phục vụ công tác giám sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Đồng/bài	2.000.000	1.200.000
2. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát			
a) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát	Đồng/báo cáo	5.000.000	3.000.000

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
b) Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000
3. Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát			
a) Trưởng đoàn	Đồng/người/buổi	200.000	120.000
b) Phó đoàn	Đồng/người/buổi	150.000	90.000
c) Thành viên đoàn: đại biểu HĐND; đại biểu mời dự; lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng trực tiếp tham gia đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	100.000	60.000
d) Công chức và nhân viên phục vụ đoàn; lái xe; phóng viên báo, đài	Đồng/người/buổi	50.000	30.000
<i>Trường hợp tổ chức khảo sát, giám sát trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bằng 200% mức chi ngày thường</i>			
4. Hỗ trợ ăn, nghỉ của thành viên Đoàn khi đi giám sát, khảo sát			
- Hỗ trợ tiền ăn	Đồng/người/buổi	250.000	150.000
- Phòng nghỉ (nếu có)	Áp dụng theo quy định hiện hành		

Điều 5. Chi hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chi xây dựng văn bản phục vụ phiên giải trình, chất vấn			
- Chi xây dựng kế hoạch phiên giải trình, chất vấn	Đồng/văn bản	500.000	300.000
- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp, kết luận của phiên chất vấn, giải trình	Đồng/văn bản	500.000	300.000
2. Chi bồi dưỡng			
- Người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000	120.000
- Thành phần dự họp	Đồng/người/buổi	100.000	60.000
- Đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	30.000
- Hỗ trợ tiền ăn	Đồng/người/buổi	250.000	150.000
<i>Trường hợp họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bồi dưỡng bằng 200% mức chi ngày thường, không áp dụng đối với chế độ hỗ trợ tiền ăn.</i>			

Điều 6. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. <i>(Trong trường hợp, có sự phối hợp tiếp xúc cử tri đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp thì chỉ được thực hiện hỗ trợ của cấp cao nhất).</i>	Đồng/điểm tiếp xúc	3.000.000	1.800.000
2. Mức chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri			
a) Khoản chi tiếp xúc cử tri đối với đại biểu HĐND	Đồng/người/tháng	200.000	120.000
b) Đại biểu và đại diện lãnh đạo cơ quan được phân công	Đồng/người/buổi	100.000	60.000
c) Cán bộ, công chức phục vụ và lái xe	Đồng/người/buổi	50.000	30.000
d) Chi sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND trước và sau khi tiếp xúc cử tri	Đồng/tổ/kỳ họp	2.000.000	1.200.000
<i>Trường hợp thực hiện trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri bằng 200% mức chi bồi dưỡng ngày thường.</i>			
3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình tại kỳ họp			
a) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp chung	Đồng/báo cáo	1.000.000	600.000
b) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp tại các điểm tiếp xúc cử tri	Đồng/báo cáo	500.000	300.000

Điều 7. Chi hội nghị lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương do Thường trực HĐND, các Ban HĐND tổ chức

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chi tổ chức họp			
- Chi cho người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000	120.000

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
- Đại biểu dự họp, cán bộ, công chức Văn phòng tham mưu, giúp việc trực tiếp nội dung lấy ý kiến	Đồng/người/buổi	100.000	60.000
2. Chi góp ý kiến tham luận bằng văn bản	Đồng/văn bản	200.000	120.000
3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia	Đồng/báo cáo	1.000.000	600.000
<i>Trường hợp họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi dự họp bằng 200% mức chi ngày thường</i>			

Điều 8. Hoạt động phí, các chế độ hỗ trợ và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân	Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội		
2. Đại biểu HĐND giữ chức vụ kiêm nhiệm được hỗ trợ hàng tháng (cấp 6 tháng 1 lần) như sau:			
a) Chủ tịch HĐND kiêm nhiệm	Mức lương cơ sở/tháng	1,0	0,6
b) Phó Chủ tịch HĐND kiêm nhiệm	Mức lương cơ sở/tháng	0,9	0,5
c) Trưởng các Ban HĐND kiêm nhiệm	Mức lương cơ sở/tháng	0,7	0,4
d) Phó trưởng các Ban HĐND kiêm nhiệm	Mức lương cơ sở/tháng	0,6	0,3
3. Hỗ trợ Tổ trưởng tổ Đại biểu HĐND	Mức lương cơ sở/tháng	0,3	0,2
4. Hỗ trợ Tổ phó Tổ Đại biểu HĐND	Mức lương cơ sở/tháng	0,2	0,1
5. Hỗ trợ Hội thẩm Tòa án nhân dân	Mức lương cơ sở/tháng	0,3	
6. Hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách	Mức lương cơ sở/tháng		0,4
7. Hỗ trợ may trang phục (lễ phục) theo nhiệm kỳ Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 02 bộ trang phục (lễ phục)	đồng/bộ/người	5.000.000	3.000.000

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
8. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Thư ký kỳ họp, Quản trị phần mềm phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh được trang cấp 01 máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) và 01 cặp công tác để phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh (chỉ áp dụng cấp tỉnh)		Do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	
9. Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm cho đại biểu <i>(Chỉ áp dụng đối với những đại biểu không thuộc diện được khám sức khỏe định kỳ)</i>	đồng/người/năm	700.000	420.000
10. Tặng quà lưu niệm: chi quà tặng lưu niệm đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND, mức chi do Thường trực HĐND quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được giao		Do Thường trực HĐND tỉnh quyết định	Do Thường trực HĐND cấp xã quyết định

Điều 9. Các chế độ hỗ trợ công chức, người lao động trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh

1. Công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh được hưởng hỗ trợ hàng tháng bằng một lần mức lương cơ sở.

2. Công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND tỉnh được hỗ trợ tiền may trang phục theo nhiệm kỳ, mức hỗ trợ bằng 50% số tiền quy định đối với đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 10. Các chế độ chính sách chi cho công tác xã hội

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội do Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND các cấp tặng			
a) Tập thể	Đồng/lần	5.000.000	3.000.000
b) Cá nhân	Đồng/lần	1.000.000	600.000
2. Thăm hỏi ốm đau, phúng viếng			
a) Chi thăm hỏi Đại biểu HĐND khi ốm đau	đồng/người/lần	2.000.000	1.200.000
b) Trường hợp Đại biểu HĐND mắc bệnh hiểm nghèo (không quá 2 lần/năm)	đồng/người/lần	5.000.000	3.000.000
c) Chi thăm hỏi ốm đau các đồng chí nguyên là đại biểu HĐND	đồng/người/lần	2.000.000	1.200.000
d) Chi phúng viếng khi đại biểu HĐND và thân nhân đại biểu HĐND từ trần			
- Khi Đại biểu HĐND, nguyên Đại biểu HĐND từ trần	đồng/người/lần	3.000.000	1.800.000
- Cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) của đại biểu HĐND từ trần	đồng/người/lần	3.000.000	1.800.000

Chương III**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước và

quy định về chế độ chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Nghị quyết này, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được kịp thời, thiết thực, hiệu quả.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nội dung cần xem xét, sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 11 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2016 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Hưng Yên, nhiệm kỳ 2016-2021; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Thái Bình ban hành quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thái Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khoá XVII, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn